

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2024
V/v tranh chấp: “Yêu cầu không
công nhận quan hệ vợ chồng và đòi
lại tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lư Thành Danh

Ông Lê Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh Nhung- Thư ký Toà án nhân dân
quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cái Răng tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Nhu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại Toà án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 306/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân gia đình “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H; sinh năm: 2001. ĐKTT: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T; sinh năm: 1995. ĐKTT: Số 1A/6 A4 Khu dân cư C, Khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: 126 Đường D Khu dân cư H, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Tô Thị L; sinh năm: 1970 và ông Nguyễn Văn Ê; sinh năm: 1967. Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc H cho rằng:

Bà và ông Nguyễn Văn T sau thời gian tìm hiểu được 02 năm thì tự nguyện chung sống với nhau. Ngày 24/7/2022, hai bên gia đình có tổ chức lễ đính hôn, ông Nguyễn Văn T có đưa cho gia đình bà tiền nạp tài 50.000.000đ để làm đám cưới, do thời điểm đó bà đang mang thai nên dự tính sau khi sinh con, đến cuối năm 2023 thì tổ chức lễ cưới.

Sau lễ đính hôn, bà về nhà ông T sống cùng cha mẹ chồng tại số A Đường D Khu dân cư H, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

Ngày 05/02/2023, bà sinh con là Nguyễn Vĩnh P.

Tuy nhiên, sau khi chung sống, bà với ông T bất đồng quan điểm và ông T cũng có người phụ nữ khác nên hai người thường cự cãi. Kéo dài đến khoảng tháng 6-7/2023, bà bế con về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay nên chưa tổ chức đám cưới và chưa đăng ký kết hôn.

Ngày 23/10/2023, hai bên xảy ra tranh chấp giành con, có xô xát nhau nên bà nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T để giải quyết, chấm dứt mọi quan hệ hôn nhân, ổn định cuộc sống của các bên sau này.

Về con chung: bà yêu cầu nuôi con là Nguyễn Vĩnh P, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Ngoài ra, trong quá trình chung sống, mẹ bà là Tô Thị L có cho bà mượn chiếc xe Honda SH Mode biển số 65H1-465.28 do mẹ bà đứng tên giấy đăng ký xe để bà làm phương tiện đi lại. Ông T đã lấy chiếc xe này đem đi cầm số tiền 50.000.000đ. Tuy nhiên, nay cha mẹ bà không có yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này.

Đối với yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bà phải hoàn trả lại số tiền nạp tài làm lễ cưới là 50.000.000đ thì bà không đồng ý, do tiền này ông T nạp tài để cưới bà. Bà và ông T đã tổ chức lễ đính hôn và bà cũng đã về nhà gia đình ông T sinh sống, sinh con cho ông T nên bà không đồng ý trả lại số tiền này.

Theo đơn khởi kiện phản tố ngày 18/01/2024 của bị đơn là ông Nguyễn Văn T cho rằng: Vào tháng 7/2022, ông có giao tiền nạp tài 50.000.000đ cho gia đình bà H để ông và bà H tiến hành lễ cưới nhưng theo tình hình hiện tại không có tổ chức lễ cưới nên ông yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H phải trả lại cho ông tiền nạp tài là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Văn T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tô Thị L có đơn khởi kiện ngày 29/12/2023 cho rằng: bà là mẹ của Nguyễn Thị Ngọc H. Bà có cho con bà mượn chiếc xe Honda SH Mode biển số 65H1-465.28 do bà đứng tên để con bà làm phương tiện đi lại nhưng trong thời

gian con bà chung sống với Nguyễn Văn T, T đã đem xe của bà đi cầm số tiền 50.000.000đ. Bà và con bà đã nhiều lần yêu cầu ông T chuộc xe trả lại cho bà nhưng đến nay ông T vẫn chưa chuộc lại xe. Nay bà yêu cầu Nguyễn Văn T phải trả lại cho bà chiếc xe Honda SH Mode biển số 65H1-465.28.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Tô Thị L không nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu khởi kiện độc lập. Đồng thời, bà có yêu cầu xin rút yêu cầu khởi kiện nêu trên, nếu sau này có tranh chấp, sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Ngoài ra, khi Nguyễn Văn T làm lễ đính hôn với con gái bà, ông T có đưa tiền nạp tài 50.000.000đ để cưới con gái bà. Gia đình bà đã tổ chức lễ đính hôn, đãi tiệc cho gia đình bên nhà ông T đến dự mấy xe khách. Do lúc đó con bà có thai nên chưa tổ chức lễ cưới được. Sau lễ đính hôn, con bà về nhà ông T sinh sống và sinh con. Sau đó, gia đình ông T là bên nhà trai nhưng không đề cập đến việc tiến hành lễ cưới và ông T đến nhà gia đình bà hỏi mượn tiền, mượn xe của bà đi cầm cố và lấy đôi bông tai của con gái bà đi cầm nên bà không đồng ý việc ông T đòi lại tiền nạp tài.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Ê cho rằng: ông là cha của Nguyễn Thị Ngọc H. Khi làm lễ đính hôn cho con ông với Nguyễn Văn T thì ông T có đưa tiền nạp tài 50.000.000đ để cưới con gái ông. Do lúc đó con ông có thai nên chưa tổ chức lễ cưới được nhưng gia đình ông đã tổ chức lễ đính hôn và con ông đã về nhà ông T sinh sống, sinh con cho ông T nên ông không đồng ý việc ông T đòi trả lại số tiền này.

Sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết, Toà án đưa vụ kiện ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy: bà H và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2022 nhưng không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông T.

+ Về con chung: có 01 con chung Nguyễn Vĩnh P (nam); sinh ngày 05/02/2023. Đề nghị giao con cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng và ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom con chung cho ông T theo quy định pháp luật.

+ Về tài sản: ông T có đơn khởi kiện yêu cầu phản tố, yêu cầu bà H phải trả lại tiền nạp tài 50.000.000đ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ông T vắng mặt nhưng không có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện phản tố của ông T.

+ Về nợ: Bà H và mẹ bà H là bà Tô Thị L chưa có yêu cầu giải quyết đòi ông T trả lại chiếc xe Honda SH Mode biển số 65H1-465.28 nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông T và có yêu cầu được quyền nuôi con; ông T có đơn phản tố yêu cầu bà H trả lại tài sản nên đây là vụ kiện tranh chấp hôn nhân gia đình về yêu cầu không công nhận vợ chồng; tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 7, 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thấy rằng, bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống vào năm 2022 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình. Nay bà H khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông T là có cơ sở nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] **Về con chung:** có 01 con chung Nguyễn Vĩnh P (nam); sinh ngày 05/02/2023. Thấy rằng, do con dưới 36 tháng tuổi nên được giao cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 15 và khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Do bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông T theo quy định pháp luật, không ai được ngăn cản.

[4] **Về tài sản:** ông T có đơn khởi kiện yêu cầu phản tố, yêu cầu bà H phải trả lại tiền nạp tài 50.000.000đ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ông T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên được coi là từ bỏ yêu cầu phản tố; vì vậy, cần đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện phản tố của ông T theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217; điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố theo quy định pháp luật.

Về nợ: bà H và mẹ bà H là bà Tô Thị L chưa có yêu cầu giải quyết đòi ông T trả lại chiếc xe Honda SH Mode biển số 65H1-465.28 trong vụ kiện này nên không giải quyết. Khi nào có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà H phải chịu 300.000đ án phí tranh chấp hôn nhân gia đình.

Ông T có yêu cầu khởi kiện nhưng vắng mặt lần thứ hai nên tiền tạm ứng án phí của ông T đã nộp được sung vào công quỹ nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 218 Bộ luật Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 7, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 218; Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc H.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn T.

2. **Về con chung:** có 01 con chung Nguyễn Vĩnh P (nam); sinh ngày 05/02/2023.

Giao cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông T theo quy định pháp luật, không ai được ngăn cản.

3. **Về tài sản:** Đình chỉ yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H phải trả lại cho ông Nguyễn Văn T tiền nạ tài 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Về nợ: Không giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí về tranh chấp hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên

đơn đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0003109 ngày 05/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Bà H đã nộp xong án phí.

Sung vào ngân sách nhà nước tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn T đã nộp 1.250.000đ theo biên lai số 003204 ngày 18/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết; các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Cái Răng;
- Chi cục T.H.A Q. Cái Răng;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang